

BIỂU MẪU 03
Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Măng non II
Năm học 2023 - 2024

S TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	10,3m ² /trẻ em (TC: 331 trẻ)
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhỏ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3.411m ²	10 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.272m ²	3,7 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	687,5m ²	2,0 m ² /trẻ
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	Từ 29,6m ² – 77,7 m ²	2,0 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	Từ 29,6m ² – 77,7m ²	Diện tích phòng ngủ là phòng sinh hoạt chung
3	Diện tích phòng vệ sinh trẻ (m ²)	Từ 4,1m ² - 66,6m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	345m ²	1,0 m ² /trẻ
5	Diện tích nhà bếp (m ²) Diện tích kho (m ²)	147,8m ² 3,38 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	11 bộ	11 bộ/11 nhóm, lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu có theo quy định.	11 bộ	11 bộ/11 nhóm, lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu có theo quy định.	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	55 đồ chơi	55 đồ chơi/sân trường và sân thượng
XI	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	29	- Máy vi tính: 18 - Máy chiếu: 01 - Bảng tương tác: 01 - Bảng thông minh: 01 - Bảng tương tác Efun: 02

			- Máy tính bảng: 10 - Máy in: 10
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		-Số thiết bị/nhóm,lớp
1	Ti vi	14	- Mỗi nhóm, lớp một ti vi
2	Nhạc cụ (Đàn organ, guitar, trống...)	14	- 09 đàn organ - 01 đàn guitar - 01 đàn ukulele - 01 trống - 01 đàn đá - 01 bộ gõ
3	Máy photocopy	01	
5	Cassettes	11	-Mỗi lớp 1 cassettes
6	Đầu Video/đầu đĩa	01	
7	Thiết bị khác	01	- 01 máy scan
8	Bàn ghế đúng quy cách	-Bàn:150 -Ghế: 450	- 01 trẻ/ghế - 02 trẻ/bàn
9	Camera an ninh	01	- 16 máy
10	Máy lạnh tại các phòng và các nhóm, lớp.	21	- Mỗi nhóm, lớp/01 máy lạnh.

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho CB-GV-NV	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12+2	12+2	-Bồn tiểu nam:02 cái/ lớp MG -Nhà VS:04 cái/ lớp MG và 3 cái/ nhóm NT	0,25 – 0,4 m ² /trẻ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *	0	0			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..	...		

Quận 10, ngày 30 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Ngọc Mai Khâm